



Báo cáo kết thúc dự án

Mã can thiệp: VIE1204311





Báo cáo kết thúc dự án

Mã can thiệp: VIE1204311



Mục lục

Từ ngữ viết tắt.....	4
Thông tin dự án.....	5
Mục tiêu chung.....	7
PHẦN 1: Các kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm.....	8
1 Đánh giá chiến lược của dự án.....	8
1.1 Bối cảnh	8
1.2 Những thay đổi quan trọng trong chiến lược dự án.....	9
2 Các kết quả đạt được	10
2.1 Ma trận giám sát.....	10
2.2 Phân tích các kết quả	13
2.2.1 Dự án sẽ góp phần đạt được mục tiêu chung ở mức độ nào? (Tác động tiềm năng)?	13
2.2.2 Mục tiêu cụ thể/ kết quả đã được đạt được ở mức độ nào? Giải thích	15
2.2.3 Các đầu ra đã được đạt được ở mức độ nào? Giải thích.....	15
2.2.4 Các đầu ra đã góp phần đạt được mục tiêu cụ thể ở mức độ nào?	15
2.2.5 Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất. Các vấn đề chính gặp phải là gì? Dự án giải quyết các vấn đề này như thế nào?	25
2.2.6 Đánh giá các kết quả không mong muốn, cả tích cực lẫn tiêu cực	26
2.2.7 Đánh giá sự tích hợp các chủ đề xuyên suốt trong chiến lược dự án	27
2.2.8 Các hoạt động giám sát và hỗ trợ, M&E và/hoặc kiểm toán góp phần đạt được các kết quả ở mức độ nào? Các khuyến nghị được xử lý như thế nào?	28
3 Tính bền vững	28
3.1.1 Khả năng sinh lợi từ những kết quả của dự án? Rủi ro tiềm ẩn gì? Biện pháp gì đã được thực hiện?	28
3.1.2 Mức độ sở hữu của dự án bởi các nhóm mục tiêu là gì và nó có tiếp tục sau khi kết thúc sự hỗ trợ từ bên ngoài? Các nguy cơ tiềm ẩn là gì? Các biện pháp nào đã được thực hiện?	28
3.1.3 Mức độ hỗ trợ về chính sách của dự án là gì và mức độ tương tác giữa dự án và cấp chính sách? Các nguy cơ tiềm ẩn là gì? Các biện pháp nào đã được thực hiện?	29
3.1.4 Dự án đã góp phần nâng cao năng lực về thể chế và quản lý như thế nào? Các nguy cơ tiềm ẩn là gì? Các biện pháp nào đã được thực hiện?	29
4 Học hỏi	Error! Bookmark not defined.
4.1 Các bài học kinh nghiệm	30
4.2 Các khuyến nghị	34
PHẦN 2: Tổng hợp quá trình theo dõi (hoạt động).....	35
1 Thực hiện các quyết định của Ban chỉ đạo	35
2 Chi phí	36

3	Tỉ lệ giải ngân của dự án.....	41
4	Nhân sự dự án	42
5	Đấu thầu/ Mua sắm công.....	44
6	Thỏa thuận công – chỉ định thầu	47
7	Thiết bị	47
8	<i>Khung logic gốc từ TFF:</i>	50
9	Ma trận giám sát hoàn chỉnh	51
10	Các công cụ và sản phẩm.....	56

Từ ngữ viết tắt

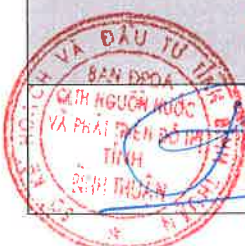
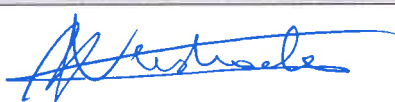
Enabel	Cơ quan hợp tác phát triển Bỉ
JLCB	Quyết định của Ban Chỉ đạo
M&E	Giám sát và đánh giá
PCU	Ban Điều phối dự án Bình thuận
TSU	Ban quản lý dự án ban hỗ trợ kỹ thuật
BĐKH	Biến đổi khí hậu

Thông tin dự án

Tên dự án	Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ biến đổi khí hậu ở tỉnh Bình Thuận.
Mã dự án	VIE1204311
Địa bàn dự án	Lưu vực Sông Lũy, huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận
Ngân sách	Vốn viện trợ không hoàn lại của Chính phủ Vương quốc Bỉ và vốn đối ứng của Chính phủ Việt Nam
Đối tác thực hiện	Ban Điều phối dự án Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị liên quan đến biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận
Ngày dự án bắt đầu /Ban chỉ đạo thành lập	03/09/2013
Ngày kết thúc Hiệp định ký kết	30/6/2019
Nhóm đối tượng mục tiêu	Các cấp chính quyền, cộng đồng dân cư và thể chế liên quan đến Biến đổi khí hậu
Tác động	Đóng góp vào sự phát triển của tỉnh Bình Thuận
Kết quả	
Kết quả đầu ra	Hỗ trợ năng lực thể chế tại tỉnh Bình Thuận trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận. Năng lực của các cơ quan có thẩm quyền của tỉnh Bình Thuận về lĩnh vực biến đổi khí hậu, quản lý tổng hợp tài nguyên nước và quy hoạch đô thị được cải thiện đồng thời với việc xây dựng một cơ chế giám sát và đánh giá thích hợp.

	Xây dựng một chiến lược toàn diện về BDKH. Chiến lược này sẽ được xây dựng dựa trên các nghiên cứu khác nhau, bao gồm các dữ liệu về BDKH và mô hình thủy văn tập trung vào tác động khi vận hành tại các khu định cư tại lưu vực Sông Lũy và điều chỉnh quy hoạch tổng thể hiện có của các thị trấn Lương Sơn, Chợ Lầu và Phan Rí Cửa, trong khi xác định rõ các ưu tiên chính của kế hoạch hành động BDKH tại lưu vực Sông Lũy.
	Xây dựng các hoạt động ưu tiên thí điểm chiến lược cho các bài học thu được tại một trong ba thị trấn mục tiêu nhằm tăng khả năng phục hồi với BDKH, với phương thức vận hành và bảo dưỡng thích hợp.
	Xây dựng chiến lược BDKH cấp tỉnh với sự tham gia tích cực của cộng đồng và khu vực tư nhân.
Tổng ngân sách dự án	TỔNG: 6.000.000 EUR. Trong đó: - Vốn viện trợ: 5.200.000 EUR - Vốn đối ứng: 800.000 EUR.
Giai đoạn lập báo cáo	Từ năm 2013 - 2019

Mục tiêu chung

Mô tả đánh giá chung của bạn về can thiệp	Mô tả đánh giá chung của bạn về can thiệp
Trong 5 năm vừa qua, tất cả các hoạt động theo hồ sơ tài chính kỹ thuật của dự án đã được PCU triển khai đầy đủ, cụ thể là các hoạt động nghiên cứu, đào tạo, học hỏi kinh nghiệm, điều chỉnh quy hoạch, các hạng mục đầu tư và truyền thông. Cho đến thời điểm này, tất cả các hoạt động đều đã hoàn thành và đạt được những hiệu quả cụ thể góp phần hỗ trợ người dân và chính quyền địa phương lưu vực sông Lũy nói riêng và tỉnh Bình Thuận nói chung trong việc khắc phục với những hậu quả do biến đổi khí hậu. Các sản phẩm và các mô hình của dự án mang tính tiên phong và kế thừa có thể được nhân rộng ở các địa phương khác và giúp cho địa phương có những kế hoạch hành động tiếp theo trong việc thích ứng với biến đổi khí hậu đang diễn ra ngày càng gay gắt.	
Chấm điểm dự án theo đánh giá chung của bạn ¹	Chấm điểm dự án theo đánh giá chung của bạn ²
Rất đạt	<i>Very Satisfactory</i>
Cán bộ thực hiện cấp quốc gia ³	Cán bộ thực hiện của Enabel ⁴
 <i>Phan Nguyên Hoàng Tân</i>	

¹ Rất hài lòng – hài lòng – không hài lòng, mặc dù có một số yếu tố tích cực – không hài lòng

² Rất hài lòng – hài lòng – không hài lòng, mặc dù có một số yếu tố tích cực – không hài lòng

³ Tên và chữ kí

⁴ Tên và chữ kí

PHẦN 1: Các kết quả đạt được và bài học kinh nghiệm

1 Đánh giá chiến lược của dự án

1.1 Bối cảnh

Bối cảnh chung:

Bình Thuận là một trong các tỉnh ven biển ở miền Trung Việt Nam bị ảnh hưởng bởi biến đổi khí hậu, với những hiện tượng như sự thay đổi hình thái mưa, tình hình lũ lụt và hạn hán thường xuyên và khắc nghiệt hơn, quá trình sa mạc hóa và xói lở bờ biển gia tăng đặc biệt là huyện Bắc Bình và lưu vực sông Lũy. Lũ lụt xảy ra hàng năm dọc theo dòng sông Lũy trong mùa mưa, trong khi sa mạc và xói lở bờ biển đang trong quá trình lan rộng trong nhiều năm qua dọc theo bờ biển.

Dự án “Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị trong môi liên hệ biến đổi khí hậu ở tỉnh Bình Thuận” được triển khai trong bối cảnh Chính phủ Việt Nam và chính quyền tỉnh Bình Thuận ưu tiên hàng đầu cho các hoạt động nhằm đối phó và giảm thiểu tác động của Biến đổi khí hậu đã, đang và sẽ tác động tiêu cực đến đời sống kinh tế và xã hội, đặc biệt là lưu vực sông Lũy, huyện Bắc Bình, đồng thời cũng chú trọng giảm thiểu các tác nhân của các hoạt động kinh tế gây nên biến đổi khí hậu. UBND tỉnh Bình Thuận đã ban hành kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu giai đoạn năm 2012 – 2015 và giai đoạn 2016 – 2020 và đề ra những giải pháp nhằm thực hiện giảm thiểu và thích ứng với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận.

Bối cảnh thể chế:

Dưới sự hỗ trợ của chính phủ Vương quốc Bỉ mà cơ quan đại diện tại Việt Nam là Cơ quan hợp tác Phát triển Bỉ (Enabel) đã hỗ trợ tỉnh dự án “Quản lý nguồn nước tổng hợp và Phát triển đô thị trong môi liên hệ với biến đổi khí hậu tỉnh Bình Thuận” với mục tiêu nâng cao năng lực thể chế quản lý tài nguyên nước trong bối cảnh biến đổi khí hậu.

Dự án được triển khai dưới sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo dự án bao gồm trưởng đại diện của Enabel và UBND tỉnh Bình Thuận cùng các đại diện của Sở, Ban, Ngành và địa phương vùng dự án, bên cạnh đó, dự án nhận được sự hỗ trợ của TSU trong các vấn đề kỹ thuật tạo điều kiện cho dự án triển khai đạt hiệu quả.

Ban Điều phối dự án quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị liên quan đến biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận (PCU) được thành lập là cơ quan có trách nhiệm trực tiếp triển khai các hoạt động của dự án trên cơ sở các quyết định của Ban Chỉ đạo và phối hợp với các cơ quan liên quan để hoàn thành dự án.

Ngoài ra, PCU triển khai dự án dựa trên sự hài hòa của chính sách, quy định, hướng dẫn của Chính phủ Việt nam, Enabel, POM, Hồ sơ tài chính và kỹ thuật của dự án.

Trong suốt quá trình triển khai dự án có sự thay đổi về các thành viên của ban Chỉ đạo dự án và chính sách, quy định của Việt nam, tuy nhiên vấn đề này không ảnh hưởng lớn đến các hoạt động của dự án.

Bối cảnh hài hòa động lực học

PCU nắm vai trò điều phối dự án, đã điều hòa các nguồn lực tài trợ và nguồn lực Chính phủ, phối kết hợp nguồn lực tri thức của chuyên gia nước ngoài, các chuyên gia đầu ngành trong nước và các nhân lực tại địa phương trên cơ sở phân biện khoa học và các kinh nghiệm bản địa, từ đó liên tục có các điều chỉnh trong quá trình thực hiện, nhằm tạo kết quả tối ưu, tiết kiệm và có hiệu suất cao.

1.2 Những thay đổi quan trọng trong chiến lược dự án

Về cơ bản dự án vẫn triển khai theo chiến lược 10 bước theo hồ sơ tài chính kỹ thuật TFF. Các hoạt động ban đầu được triển khai trước theo trình tự như: Phát triển năng lực và tăng cường thể chế, nâng cao nhận thức của các bên liên quan, thu thập dữ liệu đầu vào, thực hiện các nghiên cứu cơ sở, điều chỉnh chiến lược biến đổi khí hậu của tỉnh và quy hoạch và triển khai các công trình ưu tiên.

Tuy nhiên, thủ tục phê duyệt để triển khai các nghiên cứu mất nhiều thời gian do đó việc lựa chọn một số công trình thí điểm ứng phó biến đổi khí hậu được tiến hành song song với thực hiện nghiên cứu và đã có các hiệu chỉnh cần thiết trong trường hợp hoạt động thí điểm được lựa chọn có sai lệch mục tiêu so với kết quả của các nghiên cứu. Vấn đề này được thực hiện dựa trên tính cấp bách của địa phương, sự phù hợp với TFF và sự thống nhất của Ban Chỉ đạo dự án, theo đó PCU trong quá trình triển khai các công trình đã tích hợp các dữ liệu đầu vào của các nghiên cứu trong quá trình khảo sát, thiết kế.

Bên cạnh đó, một chiến lược M&E cũng đã được xây dựng vào các thời điểm ban đầu của dự án, là cơ sở để PCU tiến hành các hoạt động giám sát, đánh giá theo từng giai đoạn của dự án.

Cho đến thời điểm này, tất cả các sản phẩm của các hoạt động dự án vẫn rất phù hợp với mục tiêu của TFF ban đầu và mang lại tác động rất tốt cho địa phương và tỉnh Bình Thuận. Đặc biệt là Bình Thuận vẫn cố gắng triển khai hoạt động điều chỉnh các quy hoạch tổng thể của địa phương theo phương pháp quy hoạch cấu trúc chiến lược có sự tích hợp các yếu tố biến đổi khí hậu (Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa đến năm 2035; quy hoạch chi tiết thoát nước thị trấn Chợ Lầu)

2 Các kết quả đạt được

2.1 Ma trận giám sát

Kết quả /chỉ số	Giá trị đầu kì	Mục tiêu cuối kì	Giá trị cuối cùng đạt được	Nhận xét
TÁC ĐỘNG:				
Số các hành động ứng phó biến đổi khí hậu được thực hiện theo các văn bản mà UBND tỉnh đã ban hành			12	
Cơ sở kiểm chứng việc tăng cường khả năng ứng phó của các lĩnh vực			12	
KẾT QUẢ: Hỗ trợ xây dựng năng lực thể chế tại tỉnh Bình Thuận trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với BĐKH.				
Số lượng văn bản giải quyết vấn đề BĐKH được ban hành ⁵	2	8	49	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát gần nhất
Số lượng các bên liên quan hoặc các cán bộ sử dụng kiến thức mới được tập huấn về BĐKH trong quy trình ra quyết định	0	12	17	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát gần nhất
Tỷ lệ ngân sách tỉnh được đầu tư vào các hoạt động liên quan tới BĐKH ⁶	0,14%	0,28%	0,605%	Giá trị đạt được tính trung bình trong 4 năm gần nhất của tỉnh
Nâng cao năng lực thể chế có thể đo lường được do việc sử dụng các tiêu chí đánh giá của TICA	1	4	3	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát gần nhất
ĐẦU RA 1:				
Số lượng cán bộ được tập huấn về lĩnh vực BĐKH, quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị	0	575	907	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát tập huấn của dự án

⁵ Vui lòng xem phụ lục 4.7 Kết quả khảo sát mức độ hài lòng

⁶ Vui lòng xem phụ lục 4.7 Kết quả khảo sát mức độ hài lòng

Kết quả /chỉ số	Giá trị đầu kì	Mục tiêu cuối kì	Giá trị cuối cùng đạt được	Nhận xét
Thay đổi trong kết quả kiểm tra trước và sau khi tập huấn	0%	20%	17%	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát tập huấn của dự án
Hệ thống thiết bị và phần mềm phù hợp được lắp đặt	1	3	4	Kết quả đạt được theo quá trình thực hiện dự án
Hệ thống quản lý dữ liệu (về BDKH, Quản lý tổng hợp nguồn nước và Phát triển đô thị) đáp ứng nhu cầu của người sử dụng ở cấp tỉnh ⁷	0	80%	75%	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát gần nhất
Cơ chế điều phối & trao đổi đáp ứng nhu cầu quản lý kiến thức của chính quyền tỉnh ⁸	0	80%	87%	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát gần nhất
Mạng lưới giám sát khí tượng & thủy văn mở rộng cung cấp được những thông tin mới và phù hợp	20%	80%	63%	Kết quả đạt được theo số liệu khảo sát gần nhất
ĐẦU RA 2:				
Số lượng các nghiên cứu được thực hiện	0	8	9	Có 08 nghiên cứu của dự án được thực hiện
Kế hoạch hành động thích ứng BDKH được thông qua.	1	2	2	
Các quy hoạch tổng thể (cấp tỉnh, thành phố/thị trấn) được điều chỉnh liên quan tới BDKH.	0	4	2	Bình Thuận triển khai 02 quy hoạch
Các đề xuất ưu tiên về BDKH được xây dựng.	0	1	1	

⁷ Vui lòng tham khảo Phụ lục 4.7 Kết quả khảo sát mức độ hài lòng

Kết quả /chỉ số	Giá trị đầu kì	Mục tiêu cuối kì	Giá trị cuối cùng đạt được	Nhận xét
Một Nghiên cứu về Đánh giá nguồn tài nguyên nước của lưu vực sông có xét tới ảnh hưởng của BĐKH được hoàn thành	0	1	1	
Một Hệ thống quản lý liên hồ chứa hỗ trợ cho việc ra quyết định nhằm đảm bảo cân bằng giữa duy trì lượng nước và giảm thiểu ngập lụt được xây dựng và vận hành				Đã hủy bỏ hoạt động này theo quyết định của Ban Chỉ đạo
ĐẦU RA 3:				
Số các hạng mục đầu tư (thí điểm) được thực hiện phù hợp với các tiêu chí thích ứng BĐKH.	0	5	6	Nguồn ngân sách dự của dự án cho phép đầu tư thêm 01 công trình
Quy trình vận hành & bảo dưỡng được thực hiện phù hợp với từng hạng mục đầu tư ưu tiên.	0	5	6	
Số các tài liệu ghi nhận bài học kinh nghiệm về sáng kiến trong các hạng mục đầu tư ưu tiên và các khía cạnh khác của dự án.	0	5	6	
ĐẦU RA 4: Chiến lược thích ứng với BĐKH cấp tỉnh được xây dựng với sự tham gia tích cực của cộng đồng và khu vực tư nhân.				
Chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH được xây dựng.	0	1	1	
Hệ thống cảnh báo thảm họa sớm được xây dựng.	0	1	1	
Số người hưởng lợi được nâng cấp nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu.				Bình Thuận không có ngân sách cho hoạt động này trong TFF
Số hộ dân tham gia vào chương trình tín dụng BĐKH.				Bình Thuận không có ngân sách cho hoạt động này trong

Kết quả /chỉ số	Giá trị đầu kì	Mục tiêu cuối kì	Giá trị cuối cùng đạt được	Nhận xét
				TFF
Số người tham gia các ủy ban mới được thành lập.				Bình Thuận không có ngân sách cho hoạt động này trong TFF
Cơ sở kiểm chứng nỗ lực kêu gọi sự tham gia của cộng đồng và/hoặc khối tư nhân.	2	5	4	
Cơ sở kiểm chứng về những thay đổi hành vi do nhận thức đã được nâng cao.	2	5	4	

2.2 Phân tích các kết quả

2.2.1 Dự án sẽ góp phần đạt được mục tiêu chung ở mức độ nào?⁹ (Tác động tiềm năng)?

Trước hết mục tiêu chung của dự án là đóng góp vào sự phát triển bền vững của tỉnh Bình Thuận. Dự án đã và đang góp phần đạt các mục tiêu chung của tỉnh Bình Thuận.

Theo đó dự án đã thực hiện hàng loạt các hoạt động nâng cao năng lực thông qua đào tạo, tập huấn, các nghiên cứu, xây dựng các công trình ưu tiên, truyền thông với nhiều hình thức có thể, đã thực sự nâng cao năng lực của cơ quan có thẩm quyền của tỉnh về BĐKH, quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị được nâng cao trên cơ sở hình thành bước đầu một cơ chế giám sát và đánh giá phù hợp.

Kết quả của dự án góp phần cập nhật Quyết định 1175/QĐ-UBND ngày 19/06/2012 phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận.

Ngoài ra tỉnh Bình Thuận có những chương trình, dự án đã và đang thực hiện trong nỗ lực ứng phó biến đổi khí hậu tác động đến sự phát triển kinh tế xã hội, cụ thể:

⁹ Thuật ngữ: Tác động = Mục tiêu chung; Đầu ra = Mục tiêu cụ thể; Đầu ra = Kết quả mong đợi

1	Dự án Phát triển đô thị vừa và nhỏ khu vực Miền Trung	ADB
2	Dự án Hợp tác kỹ thuật phát triển nông nghiệp Vùng tưới Phan Rí - Phan Thiết (giai đoạn 2)	JICA
3	Dự án Lĩnh vực nước Bình Thuận	Italia
4	Dự án Phục hồi và phát triển bền vững rừng phòng hộ (JICA2)	JICA
5	Dự án Phát triển Nông thôn Tổng hợp các tỉnh Miền trung - Khoản vay bổ sung - tỉnh Bình Thuận	ADB
6	Dự án Quỹ hỗ trợ tăng trưởng xanh	Vương quốc Bỉ
7	Chương trình Mở rộng quy mô vệ sinh và nước sạch nông thôn dựa trên kết quả đầu ra	WB
8	Dự án Sửa chữa và nâng cao an toàn đập tỉnh Bình Thuận (WB8)	WB
9	Chương trình Giảm phát thải khí nhà kính thông qua nỗ lực hạn chế mất rừng và suy thoái rừng, quản lý bền vững tài nguyên rừng, bảo tồn và tăng cường trữ lượng các bon rừng tại Việt Nam (UN-REDD) giai đoạn II – tỉnh Bình Thuận	Norway
10	Dự án Trồng rừng ven biển chắn sóng, chắn cát để cải thiện môi trường sống và canh tác của người dân trên địa bàn tỉnh Bình Thuận giai đoạn 2016-2020 (SP-RCC)	Chương trình mục tiêu quốc gia
11	Dự án Nâng cao hiệu quả sử dụng nguồn nước cho các tỉnh bị ảnh hưởng bởi hạn hán (ADB8)	ADB

2.2.2 Mục tiêu cụ thể/ kết quả đã được đạt được ở mức độ nào? Giải thích

Dự án thành công trong việc hỗ trợ năng lực thể chế của tỉnh Bình Thuận trong quản lý tổng hợp tài nguyên nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận thông qua các kết quả đạt được vượt hơn so với kỳ vọng. Được thể hiện cụ thể thông qua số lượng văn bản giải quyết về các vấn đề biến đổi khí hậu, các cán bộ sử dụng kiến thức đã được tập huấn trong quá trình ra quyết định, ngân sách hàng năm của tỉnh cho các hoạt động đầu tư liên quan đến biến đổi khí hậu, và việc sử dụng các tiêu chí của TICA, các chỉ tiêu này được đánh giá vượt trội so với giai đoạn đầu kỳ của dự án.

Với nguồn lực hạn chế về thời gian nhưng với sự nỗ lực cầu tiến của toàn hệ thống chính trị, dự án đã phát thảo được cơ chế giám sát và đánh giá cụ thể cho từng nội dung hoạt động. Bước đầu tạo một tiền lệ về cách giám sát, đánh giá, tiên lượng để thực hiện các hoạt động dự án. Đây là kết quả có thể được kiểm chứng và duy trì nếu có thêm các dự án tương tự tại địa phương.

2.2.3 Các đầu ra đã được đạt được ở mức độ nào? Giải thích

Đầu ra 1:

Chỉ số 1.1.

Thông qua các chương trình đào tạo và tập huấn trong suốt quá trình dự án, có 907 lượt các bộ tham gia các chương trình này vượt xa kỳ vọng, qua đó cho thấy sự quan tâm của các ngành trong tỉnh về các vấn đề biến đổi khí hậu ngày càng tăng lên thể hiện qua các thông số: Năm 2016 là 73 lượt, năm 2017 là 356 lượt và năm 2018 là 478 lượt.

Chỉ số 1.2.

Về sự thay đổi trong kết quả kiểm tra trước và sau khi khảo sát, Bình Thuận đặt mục tiêu là 20%, qua khảo sát thực tế trong năm gần nhất đạt 17% chưa đạt được kỳ vọng. Tuy nhiên, khi so sánh các kết quả so với các năm trước thì có sự thay đổi rất lớn trong nhận thức của các cán bộ tham gia, cụ thể: Năm 2016 là 7%, năm 2018 là 16% và năm 2018 là 17%.

Chỉ số 1.3.

Giá trị đầu kỳ là 1 vì tỉnh mới chỉ có một hệ thống phần mềm ở Trung tâm quan trắc môi trường tỉnh để thông tin về các số liệu quan trắc nước mặt.

Giá trị cuối cùng đạt được là 4 vì dự án có thực hiện 3 hoạt động như: Máy móc và phần mềm quản lý dữ liệu GIS; máy móc và phần mềm phục vụ nghiên cứu thủy văn thủy lực MIKE; hoạt động Hỗ trợ các trạm quan trắc khí tượng thủy văn và hệ thống cảnh báo sớm.

Chỉ số 1.4, 1.5, 1.6.

Để đánh giá các chỉ số 1.4; 1.5; 1.6, Ban Điều phối dự án đã gửi công văn đến các Sở ban ngành trong tỉnh. Kết quả tổng hợp như sau:

Hầu hết những người trả lời là cán bộ phụ trách các lĩnh vực ngành liên quan đến biến đổi khí hậu, đã tham gia các cuộc hội thảo, tập huấn do dự án tổ chức, trong đó 8% cán bộ trả lời là nữ; 92% cán bộ trả lời là nam. 80% cán bộ đánh giá cho rằng cơ quan mình là đối tượng hưởng lợi từ dữ liệu về biến đổi khí hậu và giảm thiểu rủi ro thiên tai. 40% cán bộ đánh giá cho rằng là đơn vị cung cấp thông tin về thích ứng BĐKH và giảm thiểu rủi ro thiên tai gồm: Sở NN&PTNT, Sở TN&MT, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn, Hội phụ nữ, Sở Khoa học và công nghệ.

Chỉ số 1.4: Bộ công cụ quản lý dữ liệu đáp ứng nhu cầu của người dùng trong tỉnh về BĐKH quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị là 75%.

Theo các cán bộ được khảo sát, việc tiếp cận các dữ liệu khá dễ dàng, các cơ quan trong tỉnh thường xuyên trao đổi dữ liệu cho nhau, 86% cán bộ cho rằng có thể tiếp cận với các dữ liệu cần thiết để thực hiện vai trò trong của mình trong các hoạt động ứng phó BĐKH; việc bàn giao dữ liệu cho đơn vị nào trong tỉnh làm chủ chốt cũng không ảnh hưởng đến việc tiếp cận dữ liệu của họ.

Các cán bộ khảo sát cho rằng họ rất tin tưởng vào dữ liệu vì đã được các chuyên gia góp ý và kiểm tra, 78% hài lòng với định dạng dữ liệu mà họ nhận; hài lòng với độ tin cậy của dữ liệu. Ngoài ra, dữ liệu của dự án được xây dựng dựa trên nền tảng của các sản phẩm và các báo cáo mà các sở đã tổng hợp nghiên cứu nên họ rất tin tưởng. Tuy nhiên, một số ý kiến cho rằng họ vẫn còn băn khoăn vì chưa được kiểm chứng với thực tế.

Các đơn vị như Sở NN&PTNT, Đài khí tượng thủy văn, Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn rất hài lòng về việc cập nhật dữ liệu và mức độ chi tiết của dữ liệu, 75% hài lòng về cập nhật dữ liệu kịp thời, và mức độ chi tiết của dữ liệu.. Riêng Sở Tài nguyên & Môi trường với trách nhiệm quá rộng của mình trong nhiều lĩnh vực quản lý và tham mưu cho UBND tỉnh cho rằng dữ liệu hiện tại là chưa đủ đáp ứng được nhu cầu của địa phương. Điều này được lý giải rằng nhiệm vụ liên quan đến BĐKH, Quản lý tài nguyên là nhiệm vụ khá phức tạp, cần rất nhiều dữ liệu, công cụ, hành lang pháp lý...đặc biệt là các vấn đề cần được giải quyết luôn biến đổi nên việc dự báo luôn chưa đủ.

Các sở như: Sở Xây dựng, Sở NN&PTNT, Đài khí tượng cho rằng thông qua kết quả báo cáo nghiên cứu, các đợt tập huấn, truyền thông của dự án đã tác động đến việc lập kế hoạch và ra quyết định của họ. Đối với các Sở ban ngành còn lại có tác động nhưng không đáng kể. Giá trị trung bình được đánh giá là 69% sử dụng các dữ liệu của dự án trong việc lập kế hoạch và ra quyết định của cơ quan mình.

Chỉ số 1.5: Tác động của cơ chế hợp tác và trao đổi lên nhu cầu quản lý kiến thức của các cơ quan trong tỉnh được đánh giá là 87%.

Các chỉ số này được hầu hết các cán bộ trong tỉnh đánh giá rất cao, 97% nhận thức mức độ quan trọng của cơ quan/tổ chức của mình trong ứng phó với BĐKH; 75% Các cán bộ trong cơ quan hiểu rõ về vai trò của mình trong ứng phó BĐKH; 89% đánh giá hiệu quả hợp tác và trao đổi thông tin của cơ quan mình trong lĩnh vực BĐKH; 86% đánh giá thể nào về hiệu quả hợp tác và trao đổi giữa các cơ quan và tổ chức của tỉnh về lĩnh vực BĐKH.

Họ cho rằng thông qua buổi hội thảo của các nghiên cứu, các khóa tập huấn kỹ thuật của dự án, tập huấn về truyền thông đã giúp họ hiểu rõ hơn về vai trò của từng cá nhân, tổ chức trong ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường. Thông qua đó các cán bộ cũng nhận thức rõ hiệu quả của việc trao đổi thông tin giữa các cơ quan trong tỉnh. Theo cuộc khảo sát, cán bộ Sở Khoa học và công nghệ cho rằng việc hợp tác trao đổi thông tin giữa các Sở trong tỉnh rất hiệu quả. Các dữ liệu đầu vào, các báo cáo nghiên cứu của các Sở ngành khi được đề nghị hỗ trợ cung cấp hoặc góp ý đều được đáp ứng kịp thời.

Chỉ số 1.6: Mức độ sẵn có của các thông tin liên quan tới hệ thống giám sát khí tượng thủy văn mở rộng được đánh giá là 63%.

Đối với chỉ số này, 2 đơn vị liên quan trực tiếp là Sở NN&PTNT, Đài khí tượng thủy văn đánh giá rất cao vì các thông tin mới từ hệ thống giám sát thủy văn đã mang lại lợi ích rất lớn cho họ trong việc lập kế hoạch và đưa ra quyết định.

Hệ thống mở rộng có cung cấp thông tin mới và bổ ích cho cơ quan trong tỉnh được đánh giá là 69%; 64% cho rằng các thông tin mới có giúp ích cho việc dự báo các tình huống khẩn cấp về thời tiết nguy hiểm; 56% cho rằng các thông tin mới có giúp ích cho cơ quan của họ trong việc lập kế hoạch và đưa ra quyết định về quản lý hồ chứa trong điều kiện hạn hán, ngập lụt

Số liệu này bị giảm là do đa số các sở ban ngành không hưởng lợi trực tiếp từ hệ thống giám sát khí tượng thủy văn nên họ đánh giá n/a hoặc liên quan ở mức độ thấp. Ngoài ra số liệu này thấp hơn so với năm 2017 do trong năm 2017 chỉ tập trung khảo sát 04 đơn vị liên quan trực tiếp là Sở TN&MT, Sở NN&PTNT, Đài khí tượng thủy văn; Ban chỉ huy phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.



Chỉ số 2.2

Ngày 19/6/2012, UBND tỉnh đã phê duyệt Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận (Quyết định số 1175/QĐ-UBND) nên giá trị đầu kỳ sẽ là 1.

Biên bản họp Ban Chỉ đạo ngày 10/01/2017, Ban Chỉ đạo đã thống nhất cho phép Ban Điều phối dự án gộp 03 hoạt động gồm: Nghiên cứu tính dễ bị tổn thương; Hỗ trợ rà soát lại chiến lược về biến đổi khí hậu có sự tham gia của cộng đồng dựa vào các nghiên cứu và Kế hoạch hành động ưu tiên, phương pháp, công cụ, quy trình và tư vấn thành một nghiên cứu chung và sử dụng cả 03 nguồn ngân sách này thành Hoạt động "Đánh giá tính dễ bị tổn thương trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu cho lưu vực sông Lũy và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận" với mục tiêu hỗ trợ Bình Thuận cập nhật kế hoạch hành động thay thế cho QĐ 1175, nên giá trị mong đợi là 2.

Kết quả của nghiên cứu "Đánh giá tính dễ bị tổn thương trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu cho lưu vực sông Lũy và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận" sẽ được bàn giao cho Sở Tài nguyên Môi trường, cùng với các kết quả dự án Xây dựng kế hoạch hành động ứng phó biến đổi khí hậu cho ngành Xây dựng, Giao thông Vận tải, Công Thương, Du lịch và một số địa phương trên địa bàn tỉnh Bình Thuận do Sở Công thương là chủ đầu tư và các sở ban ngành liên quan khác, làm cơ sở cho Sở Tài nguyên Môi trường thực hiện.

Chỉ số 2.3

Trong năm 2018, được sự thống nhất của Ban chỉ đạo dự án về các danh mục thực hiện các quy hoạch, PCU đã lựa chọn đơn vị tư vấn triển khai lập các quy hoạch, cụ thể các đồ án quy hoạch như sau:

- Điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa, tỉnh Bình Thuận đến năm 2035, trong đó có yêu cầu nội dung về biến đổi khí hậu và quy hoạch cấu trúc chiến lược.

- Quy hoạch chi tiết hệ thống thoát nước khu trung tâm phía Bắc thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình tỷ lệ 1/2000.

Cả 02 đồ án quy hoạch này hiện nay đã hoàn thành nên giá trị thực hiện là 02

Chỉ số 2.4

Giá trị mục tiêu cuối cùng là 1 vì theo TFF, dự án sẽ hỗ trợ sẽ xây dựng một kế hoạch hành động ưu tiên toàn diện về các biện pháp thích ứng với BĐKH cho lưu vực sông Lũy với trọng tâm là 3 thị trấn mục tiêu gồm Lương Sơn, Chợ Lầu và Phan Rí Cửa.

Hoạt động này được gộp chung với các hoạt động nghiên cứu tính dễ bị tổn thương và điều chỉnh kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu. Hoạt động này đã hoàn thành nên giá trị thực hiện là 01.



(Hoạt động mô hình canh tác nông nghiệp thông minh)



(Hội thảo báo cáo các kết quả nghiên cứu)

Đầu ra 3:

Chỉ số 3.1, 3.2, 3.3

Cho đến nay, dự án đã hoàn thành xây dựng 06 công trình ưu tiên nên chỉ số thực hiện là 06, cụ thể:

- + Hệ thống thoát nước thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình
- + Hệ thống thoát nước thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình.
- + Công trình Mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình.
- + Công trình Kè chống xói lở bờ Sông Lũy, huyện Bắc Bình.
- + Công trình nâng cấp, mở rộng hệ thống thoát lũ Sông Lũy, (trục tiêu sông Đồng), huyện Bắc Bình.

+ Công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình An và xã Sông Bình, huyện Bắc Bình.



(Các công trình xây dựng)

Đầu ra 4:

Phân tích chỉ số 4.1. Chiến lược nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH được xây dựng:

Chiến lược truyền thông nâng cao nhận thức cộng đồng về BĐKH đã được xây dựng thông qua nỗ lực phân tích nguồn lực về thời gian, nhân sự và kinh phí, theo đó chiến lược được cụ thể hoá bằng thư không phản đối của Cơ quan Hợp tác phát triển Bỉ ngày 14/4/2016 tại công văn số 46/CV-BĐPDA ngày 12/4/2016 về việc thông qua Kế hoạch truyền thông về Quản lý tổng hợp nguồn nước và phát triển đô thị trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận. Trong chiến lược này, các kênh truyền thông như báo, TV, Truyền thanh, phát thanh qua loa của các xã, khóa tập huấn, đào tạo mạng lưới, các cuộc thi viết, thi rung chuông vàng, thi vẽ tranh trong các trường học và các phương tiện truyền thông như tờ rơi, poster, áo, mũ và kết hợp với các

hoạt động nâng cao năng lực để trở thành 1 tổ hợp tạo thành chiến lược truyền thông cho dự án.

Thông qua chiến lược này, xuyên suốt quá trình của dự án đã triển khai 67 hoạt động truyền thông trực tiếp (Phụ nữ, thanh niên, nông dân, trường học) và 5 hoạt động gián tiếp (trang web, truyền hình, truyền thanh, in lịch, phát thanh lưu động).

Vào thời gian cuối giai đoạn, dự án hoàn tất 60 hoạt động truyền thông trong 20 trường học cùng với việc hoàn tất các tài liệu truyền thông để chuyển giao cho cộng đồng. Cụ thể là cho Phòng giáo dục huyện Bắc Bình về các tài liệu như sách mỏng cho các thư viện trường học, tờ rơi và poster liên quan. Các bài giảng, truyền thông, phim tài liệu..về dự án đã được chuyển giao cho hội Phụ nữ huyện Bắc Bình, Đoàn thanh niên huyện và Trung tâm văn hoá thể thao.

Phân tích chỉ số 4.2: Hệ thống cảnh báo thảm họa sớm được xây dựng

Hoạt động hỗ trợ các trạm quan trắc khí tượng thủy văn và hệ thống cảnh báo sớm ở kết quả 1 đã hoàn thành nên kết quả thực hiện là 01.

Chỉ số 4.3 và 4.4:

Theo TFF và chỉ đạo của BTC/TSU tạo Hội thảo hướng dẫn xây dựng báo cáo đầu kỳ thì không có hoạt động liên quan đến người hưởng lợi được nâng cấp nhà ở thích ứng biến đổi khí hậu và người dân tham gia vào chương trình tín dụng BDKH. Do vậy giá trị đầu kỳ và mục tiêu cuối cùng không yêu cầu phải tính toán ở hai chỉ số này.

Phân tích chỉ số 4.5:

Ban Chỉ đạo dự án đã thống nhất về việc hủy bỏ hoạt động lập các diễn đàn đối thoại cho các bên tham gia tại cuộc họp Ban Chỉ đạo dự án ngày 04/08/2017. Do vậy giá trị đầu kỳ và mục tiêu cuối cùng không yêu cầu phải tính toán ở hai chỉ số này.

Phân tích chỉ số 4.6. Cơ sở kiểm chứng nỗ lực kêu gọi sự tham gia của cộng đồng hoặc khối tư nhân:

Trong suốt quá trình thực hiện dự án, thông qua hoạt động truyền thông, dự án đã nỗ lực kêu gọi sự tham gia của cộng đồng trong công tác truyền thông, theo đó có 3 nhóm cộng đồng đã hưởng ứng, đó là: nhóm học sinh trường học, nhóm cộng đồng Phụ nữ, và nhóm Nông dân trong lưu vực sông Luỹ (khu vực huyện Bắc Bình). Cụ thể các nhóm này đã có các chương trình hưởng ứng làm sạch môi trường, xây dựng nội quy khu phố/thôn và bảng kêu gọi bảo vệ môi trường trong trường học.

Dự án còn có các nỗ lực ảnh hưởng cụ thể trong việc mời các công ty tư nhân trong quá trình tham gia tập huấn liên quan đến quản lý nguồn nước, từ đó kêu gọi sự cam kết bảo vệ nguồn nước như một sự khôn ngoan bền vững.

Trong các công trình dự án, luôn có các buổi họp dân để trao đổi lắng nghe cộng đồng, điều này không chỉ giúp hoạt động triển khai có sự đồng thuận mà còn giúp người dân trong cộng đồng cảm nhận một sự quan tâm đích thực đối với nguy cơ của BĐKH mang lại.

Phân tích chỉ số 4.7. Cơ sở kiểm chứng về những thay đổi hành vi do nhận thức đã được nâng cao:

Sau các buổi truyền thông, các câu hỏi kiểm tra được đặt ra và câu trả lời từ các đối tượng học sinh, nông dân, phụ nữ cho thấy sự cam kết thay đổi hành vi cho tương lai thông qua nhận thức lại hiện trạng môi trường, sử dụng tài nguyên nước và định hướng cho tương lai với hành vi tác động đến môi trường sẽ được điều chỉnh.

Để chính xác, khách quan và khoa học hơn, dự án đã tổ chức nghiên cứu hành vi nhận thức của người dân lưu vực Sông Luỹ thông qua cuộc khảo sát chính thức được tiến hành vào cuối kỳ của dự án, qua đó, cuộc đánh giá có các kết quả tốt.



(Một cuộc thi rung chuông vàng tại Bắc Bình)



(Hội thi truyền thông của phụ nữ Bắc Bình)



(Một buổi truyền thông trong trường học)

2.2.4 Các đầu ra đã góp phần đạt được mục tiêu cụ thể ở mức độ nào?

Các chương trình đào tạo, tập huấn, các hội thảo chuyên sâu về các kết quả nghiên cứu của dự án tập trung chủ yếu về các lĩnh vực quản lý nguồn nước, quy hoạch đô thị và biến đổi khí hậu, đối tượng tham gia các chương trình này là các cán bộ từ các Sở, Ban, ngành, hội phụ nữ, hội nông dân, đoàn thanh niên, các khối công ty dưới sự quản lý của nhà nước và các cán bộ địa phương. Số lượng lượt các đơn vị tham gia chương trình và số lượng các văn bản giải quyết về vấn đề biến đổi khí hậu cho thấy sự quan tâm trong tỉnh về vấn đề biến đổi khí hậu so với trước đây.

Các kết quả nghiên cứu của dự án được cập nhật vào Quyết định 1175 của tỉnh về việc phê duyệt kế hoạch hành động ứng phó BĐKH.

Trong giới hạn nguồn ngân sách và thời gian cho phép của dự án, PCU đã triển khai đầu tư các công trình ưu tiên như đã nêu trên. Đến nay, các công trình đã phát huy hiệu quả rõ rệt. Các công trình thoát nước đã hoàn thành đã hạn chế ngập úng cục bộ tại một số khu vực của các thị trấn, làm thay đổi, chỉnh trang bộ mặt đô thị, góp phần hoàn thiện cơ sở hạ tầng cho địa phương; công trình kè chống xói lở bờ sông Lũy đã hoàn thành và được kiểm chứng qua cơn lũ vừa qua (tháng 11/2018), không gây sạt lở cho khu vực, bảo vệ được đất sản xuất cho các hộ dân, đặc biệt là khu vực của người đồng bào dân tộc Chăm; Các công trình khác như cấp nước tại các thị trấn Lương Sơn, xã Bình An, Sông Bình được kiểm chứng qua sự hưởng lợi của người dân tham gia sử dụng nước sinh hoạt từ nguồn cấp của dự án; Công trình thoát lũ Sông Đồng mặt dù chưa hoàn thành nhưng đã phát huy hiệu quả thoát lũ nhanh cho toàn bộ khu vực do cơn lũ vừa qua, bảo vệ được tài sản và mùa màng thu hoạch của người dân, người đồng bào dân tộc Chăm (không bị ngập úng lúa) bên cạnh đó các cây cầu dân sinh được xây dựng góp phần cải thiện giao thông nông thôn, vận chuyển nông sản cho người dân dọc lưu vực sông Đồng. Các công trình đã hoàn thành góp phần làm giảm tác động biến đổi khí hậu lên các thị trấn mục tiêu và các khu vực khác của huyện Bắc Bình, đặc biệt là góp phần nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân, cải thiện hạ tầng.

2.2.5 Đánh giá các nhân tố ảnh hưởng quan trọng nhất. Các vấn đề chính gặp phải là gì? Dự án giải quyết các vấn đề này như thế nào?

Các nhân tố ảnh hưởng quan trọng

- Các quyết định của ban Chỉ đạo
- Sự hỗ trợ kỹ thuật của TSU
- Các khuyến nghị của kiểm toán
- Các khuyến nghị đầu kỳ, giữa kỳ
- Các khuyến nghị của các chuyên gia tư vấn TSU về các vấn đề kỹ thuật của dự án
- Thẩm định của các ngành trong tỉnh
- Sự đồng thuận của người dân và chính quyền địa phương

Các vấn đề chính gặp phải	Giải quyết
Kế hoạch vốn không kịp và hạn chế	PCU kiến nghị ban Chỉ đạo hỗ trợ kịp thời
Dữ liệu không chính xác, không cập nhật hoặc không có sẵn	Thỏa thuận chung giữa tất cả các bên liên quan về việc chia sẻ các dữ liệu cần thiết của dự án

Chậm trễ trong việc phê duyệt	Liên hệ chặt chẽ với Ban Chỉ đạo và các bên liên quan thông qua PCU để thúc đẩy các quy trình.
Rủi ro về tỷ giá	Tham vấn về các vấn đề tài chính với chuyên gia của Enabel, thường xuyên cập nhật các dữ liệu về kế hoạch vốn và giải ngân của dự án để đưa ra số liệu chính xác, theo đó kiểm soát được nguồn vốn tài trợ
Giải phóng mặt bằng	PCU phối hợp chặt chẽ với chính quyền địa phương và người dân hưởng lợi trong các vấn đề thiết kế và hỗ trợ giải phóng mặt bằng
Mùa mưa lũ kéo dài gây ảnh hưởng đến tiến độ thi công các công trình thủy lợi	PCU kiểm soát chặt chẽ tiến độ thẩm định, phê duyệt dự án để chủ động trong việc thi công các công trình vào mùa khô
Chồng chéo giữa các quy hoạch khác nhau	PCU thúc đẩy quá trình thu thập các dữ liệu quy hoạch trong quá trình thực hiện, phối hợp giữa Sở Xây dựng và địa phương và các ngành liên quan để có sự đồng bộ giữa các quy hoạch khác nhau.

2.2.6 *Đánh giá các kết quả không mong muốn, cả tích cực lẫn tiêu cực*

Tiêu cực:

- Chậm tiến độ một số hoạt động
- Chậm trễ trong vấn đề giải ngân

Tích cực

Hiệu quả các công trình vượt ngoài mong đợi: Công trình thoát lũ sông Đồng giải quyết ngập úng 2.000 ha trong thời gian nhanh hơn so với dự kiến; Tỷ lệ người dân tham gia các chương trình cấp nước sạch rất lớn.

Công trình thoát lũ sông Đồng gặp khó khăn trong quá trình thi công vì ảnh hưởng bởi mưa và lũ lụt, tuy nhiên công trình đã hoàn thành và phát huy hiệu quả rất tốt.

Sự quan tâm của các bên liên quan trong các cuộc đào tạo, tập huấn lớn hơn so với kỳ vọng.

Hưởng ứng tích cực của cộng đồng người dân, người nghèo, phụ nữ và dân tộc thiểu số trong việc xây dựng các công trình đầu tư.

Từ một số tiêu cực ảnh hưởng, dự án tích lũy nhiều hơn các bài học kinh nghiệm điều phối dự án.

2.2.7 *Đánh giá sự tích hợp các chủ đề xuyên suốt trong chiến lược dự án*

Các vấn đề liên quan đến bình đẳng giới/lồng ghép giới

Mạng lưới truyền thông của dự án đã được hoàn tất việc đào tạo, trong đó nổi bật là hệ thống truyền thông của Hội Phụ nữ từ cấp tỉnh, huyện và các xã trong lưu vực sông Lũy. Mạng lưới này được dự án chú trọng như 1 sự cân bằng giới và xác định vai trò của giới nữ trong phát triển gia đình và cộng đồng, họ có vai trò vô cùng quan trọng. Và mạng lưới này đã chủ động đề xuất 8 cuộc thi sân khấu hoá cho 8 xã với hơn 120 phụ nữ cấp thôn trực tiếp tham gia truyền thông, các cuộc thi là cơ hội, sân chơi để các phụ nữ sáng tạo thông qua các hoạt động múa hát, diễn kịch về vấn đề bảo vệ môi trường, chỉ trích nhẹ nhàng và hóm hỉnh nhưng rất hiệu quả những hành vi có hại cho môi trường đang xảy ra trong khu vực sống của họ. Qua thảo luận và trình bày của các nhóm phụ nữ cho thấy dường như vai trò người phụ nữ có tính quyết định trong việc xử lý rác thải trong gia đình và cả thôn/khu phố. Họ còn ảnh hưởng mạnh đến các hành vi của con cái trong gia đình. Điều này cho phép kết luận việc giao vai trò truyền thông cho phụ nữ trong trường hợp này là chính xác và hiệu quả.

Trong các buổi truyền thông, tập huấn khác, các đối tượng tham dự đều được chú ý cân bằng về giới, từ học sinh nữ đến nông dân nữ tham gia các buổi truyền thông. Tỷ lệ phụ nữ tham gia vào các buổi tập huấn là 33%

Mặt khác trong quá trình khảo sát, lấy ý kiến người dân và địa phương về việc xây dựng các công trình thì phụ nữ, trẻ em và người dân tộc thiểu số là các đối tượng ưu tiên tham gia và hưởng lợi trực tiếp trong các hoạt động này.

Một số công trình triển khai tập trung vào việc khắc phục những điều kiện khó khăn của người dân tộc thiểu số và các hộ nghèo như: công trình kê chống xói lở bờ sông Lũy, công trình hệ thống thoát lũ sông Lũy, trục tiêu sông Đồng

Môi trường

Trong tất cả các hoạt động của PCU, vấn đề môi trường được quan tâm hàng đầu. Đặc biệt là việc xây dựng các công trình ưu tiên, một cam kết bảo vệ môi trường trong quá trình thi công xây dựng sẽ được thực hiện giữa PCU và chính quyền địa phương. Ngoài ra trong quá trình thi công xây dựng, đơn vị thi công lập bảng cam kết bảo vệ môi trường và hoàn trả mặt bằng thi công theo hiện trạng, hành động này nhận được sự ghi nhận và hài lòng từ người dân.

2.2.8 Các hoạt động giám sát và hỗ trợ, M&E và/hoặc kiểm toán góp phần đạt được các kết quả ở mức độ nào? Các khuyến nghị được xử lý như thế nào?

Khung M&E được phê duyệt làm cơ sở để PCU định hướng triển khai các hoạt động nhằm hướng đến mục tiêu của dự án, việc này được thể hiện qua từng hoạt động của dự án do các cán bộ chuyên trách thực hiện giám sát và đánh giá theo định kỳ hàng tháng, quý và năm.

Các khuyến nghị của kiểm toán sẽ được PCU rà soát và kiện toàn bộ máy kịp thời khắc phục những thiếu sót và định hướng điều chỉnh trong các hoạt động.

3 Tính bền vững

3.1.1 Khả năng sinh lợi từ những kết quả của dự án? Rủi ro tiềm ẩn gì? Biện pháp gì đã được thực hiện?

Các chương trình đào tạo và tập huấn của dự án sẽ được các ngành trong tỉnh áp dụng trong các chính sách ban hành của mình

Các kết quả nghiên cứu sẽ là nguồn dữ liệu đầu vào cho các hoạt động khác và có khả năng nhân rộng cho các lưu vực sông khác.

Các công trình đầu tư hoàn thành từng bước phát huy hiệu quả: Giảm thiểu lũ lụt, ngập úng, xói lở bờ sông, khắc phục tình trạng thiếu nước sạch, cải thiện sản xuất nông nghiệp, nâng cao chất lượng cuộc sống người dân khu vực, góp một phần chỉnh trang đô thị địa phương.

Tất cả các kết quả của dự án đã được UBND tỉnh phê duyệt danh mục và bàn giao cho các đơn vị trong tỉnh có đủ điều kiện về nhân lực, chuyên môn, tài chính để khai thác các sản phẩm, áp dụng các nghiên cứu trong các kế hoạch hành động tiếp theo, duy tu bảo dưỡng các công trình...

Các nội dung trên được thể hiện chi tiết trong kế hoạch bàn giao và kết thúc dự án.

3.1.2 Mức độ sở hữu của dự án bởi các nhóm mục tiêu là gì và nó có tiếp tục sau khi kết thúc sự hỗ trợ từ bên ngoài? Các nguy cơ tiềm ẩn là gì? Các biện pháp nào đã được thực hiện?

Nhóm chính quyền

Nhóm chính quyền được thừa hưởng những kết quả của dự án như sau: Các kết quả nghiên cứu bao gồm dữ liệu về BĐKH, mô hình thủy văn và các nghiên cứu khác trong việc điều chỉnh chiến lược của tỉnh về BĐKH và xác định các ưu tiên chính trong kế hoạch hành động; các kiến thức đào tạo và tập huấn được phổ biến và áp dụng trong quá trình ra quyết định; hệ thống các phần mềm quản lý từ các sản phẩm của dự án như GIS, MIKE, MODFLOW hệ thống các trạm quan trắc và cảnh báo sớm được bàn giao cho

các cơ quan quản lý phù hợp giúp tỉnh cải thiện cơ chế quản lý hoặc cảnh báo những thảm họa và đưa ra kế hoạch hành động kịp thời

Nguy cơ tiềm ẩn và biện pháp: Thiếu nguồn lực và kinh phí về lâu dài để khai thác từ các kết quả của dự án về lâu dài, điều này được giải quyết bằng cách bàn giao những sản phẩm của dự án cho các đơn vị có chuyên môn, nguồn lực và kinh phí để quản lý và phát triển. Bên cạnh đó, tỉnh sẽ có cơ chế thu hút nguồn lực từ khối tư nhân, các tổ chức khác để khai thác các kết quả này.

Người dân được hưởng lợi

Người dân hưởng lợi trực tiếp từ các công trình giúp cộng đồng tránh các ảnh hưởng rủi ro từ BĐKH, cộng đồng cảm nhận được sự quan tâm sâu sắc hơn của hệ thống chính quyền trong việc nỗ lực kiểm soát hậu quả BĐKH thông qua quản lý nguồn nước hướng đến ứng dụng để phát triển các đô thị hiện tại và tương lai.

Nguy cơ tiềm ẩn và biện pháp: Thực tế người dân cộng đồng đang sở hữu các thành tựu của dự án như là công trình, các nội dung truyền thông và nó sẽ tiếp tục sau khi kết thúc dự án với nguồn lực nội tại đầy sáng tạo. Để thấy rằng nguy cơ tiềm ẩn không nằm ở các công trình mà là sự đứng lại của các nội dung nhận thức, vì một thời gian sau các nội dung và hình thức truyền thông mà các địa phương học được từ dự án sẽ bị lạc hậu. Vì vậy trong các hoạt động bàn giao, dự án luôn nhấn mạnh tính làm chủ và sáng tạo của các nhóm cộng đồng đang sở hữu để hướng đến sự bền vững.

3.1.3 *Mức độ hỗ trợ về chính sách của dự án là gì và mức độ tương tác giữa dự án và cấp chính sách? Các nguy cơ tiềm ẩn là gì? Các biện pháp nào đã được thực hiện?*

Kết quả dự án góp phần điều chỉnh kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trong tỉnh, đồng thời xác định các ưu tiên chính của kế hoạch hành động.

Điều chỉnh quy hoạch tổng thể của thị trấn Phan Rí Cửa đến năm 2035 áp dụng phương pháp quy hoạch cấu trúc chiến lược có tích hợp BĐKH.

Nguy cơ tiềm ẩn: Khả năng thiếu kinh phí cho việc triển khai các ưu tiên trong kế hoạch hành động, các công trình đầu tư nhằm khắc phục ảnh hưởng của BĐKH.

Biện pháp: Sử dụng nguồn kinh phí của tỉnh hoặc kêu gọi thêm các nguồn lực khác để hỗ trợ, vay thế thực hiện.

3.1.4 *Dự án đã góp phần nâng cao năng lực về thể chế và quản lý như thế nào? Các rủi ro tiềm ẩn là gì? Các biện pháp nào đã được thực hiện?*

Thế chế được nâng cao thông qua lý thuyết tập huấn và các thực hành văn bản, quyết định liên quan trong triển khai dự án, công trình, từ đó tạo cơ sở kinh nghiệm và kỹ năng vững chắc ban đầu cho những thao tác xử lý, ra quyết định sau này của nguồn nhân lực này. Nội dung này cũng có nguy cơ bị phai nhạt theo thời gian vì vậy Ban Điều phối nhấn mạnh đến việc kết hợp các kinh nghiệm từ dự án để áp dụng cho các hoạt động hằng ngày.

Các nghiên cứu góp phần nâng cao năng lực quản lý, ứng phó với BĐKH trong việc đưa ra các kế hoạch hành động ưu tiên; các công trình góp phần giảm thiểu tác động BĐKH lên cuộc sống người dân khu vực, góp phần giúp chính quyền địa phương trong việc xây dựng các công trình, chỉnh trang đô thị; GIS hỗ trợ các ngành về cơ sở quản lý dữ liệu; Thủy lực thủy văn, cảnh báo sớm, các trạm quan trắc hỗ trợ trong việc quản lý tài nguyên nước, phát hiện những thảm họa; Điều chỉnh quy hoạch đô thị giúp tỉnh đưa ra các phương án xây dựng phù hợp để chỉnh trang đô thị, phát triển kinh tế xã hội khu vực. Khả năng duy trì và khai thác các kết quả này có khả năng hạn chế, tỉnh đã ban hành quyết định bàn giao cho các đơn vị đủ chức năng để thực hiện.

4 Bài học

4.1 Các bài học kinh nghiệm

STT	Tên bài học	Diễn giải	Ghi chú
1	Nội dung dự án nên ưu tiên, giải quyết vấn đề cấp thiết, khó khăn trên địa bàn tỉnh và đầu tư phát huy thế mạnh của tỉnh	Việc chọn nội dung thực hiện dự án để giải quyết các vấn đề của cộng đồng là yếu tố quyết định để tạo hiệu quả dự án, hiệu suất đầu tư và có được sự ủng hộ mạnh mẽ từ người dân và chính quyền địa phương. Cụ thể là: - Bình Thuận là một trong những tỉnh khô hạn, thiếu nước nghiêm trọng vào mùa khô ảnh hưởng lớn đến nông	

		nghiệp. Nắm được điều này, dự án đã đầu tư đúng trọng điểm vào khu vực chịu ảnh hưởng của hạn hán như: Đầu tư hệ thống cấp thoát nước, xây dựng kè ngăn mặn, hỗ trợ mô hình canh tác nông nghiệp tiết kiệm nước thích ứng với BĐKH... - Bình Thuận có số giờ nắng cao rất thích hợp đầu tư các dự án đèn năng lượng mặt trời. Qua đó, giải quyết được những khó khăn mà người dân địa phương gặp phải nâng cao đời sống cho cộng đồng.	
2	Việc nâng cao năng lực các bộ tạo hiệu quả trong quá trình thực hiện dự án. Cụ thể là: Chú trọng nâng cao năng lực thể chế cho cán bộ trong tỉnh	Việc đào tạo, tập huấn, tham gia hội thảo..của các cán bộ trong hệ thống chính quyền các cấp đã giúp việc thực hiện dự án, phối hợp và thông hiểu của hệ thống được cải thiện tốt hơn cụ thể qua thời gian và tinh thần hỗ trợ thực hiện, cũng như chất lượng hỗ trợ cũng tăng hơn	
3	Phối hợp hài hòa, chặt chẽ, thống nhất giữa 4 bên: chính quyền địa phương – tư vấn – chủ đầu tư – trung ương sẽ tạo hiệu quả cho tiến độ thực hiện dự án	- Chính quyền địa phương hỗ trợ tư vấn cung cấp thông tin cần thiết. - Chủ đầu tư giám sát chặt chẽ đơn vị tư vấn, tư vấn thường xuyên rà soát báo cáo tiến độ. - Chủ đầu tư báo cáo kết quả thực hiện, những khó khăn về tài chính, kỹ thuật; trung ương hỗ trợ kỹ thuật, phân bổ tài chính.	-
4	Lắng nghe đề xuất từ các nhà tư vấn sẽ có thêm nhiều ý tưởng thực hiện dự án	Sáng kiến trong thiết kế công trình, xanh hoá, thân thiện với môi trường: Sử dụng cỏ Vectiver trong thiết kế kè chống xói lở bờ sông Luỹ, huyện Bắc Bình.	-

5	Kết hợp chặt chẽ giữa hoạt động công trình và truyền thông sẽ giúp hiệu quả tốt hơn trong việc làm lan toả các hoạt động của dự án, gắn kết tham gia của cộng đồng	Nhiều công trình cần sự ủng hộ của người dân, nhất là những công trình cần sự tự nguyện của người dân trong việc tự động giải toả mặt bằng, hay nhóm cộng đồng tự quản lý việc giải toả mặt bằng...thì công tác truyền thông có vai trò quan trọng, giúp tạo các diễn đàn đối thoại trực tiếp giúp người dân hiểu hơn về ý nghĩa dự án, khơi dậy tinh thần yêu thiên nhiên, quý trọng tài nguyên nước và kích thích tinh thần đóng góp vì cộng đồng. Mặc khác nó còn giúp cộng đồng hiểu rõ hơn sự nỗ lực của dự án trong mục tiêu bảo vệ tài nguyên nước và thích nghi biến đổi khí hậu. Điều này giúp phần hỗ trợ công tác thực hiện các công trình.	
6	Chú trọng khảo sát đầu kỳ để xây dựng các chỉ số M&E có chất lượng để định hướng cho các hoạt động.	Điều này giúp dự án đi đúng hướng theo thiết kế và diễn giải tốt hơn về kết quả dự án	
7	Xây dựng các ma trận quản lý rủi ro theo đó xác định các vấn đề cần giải quyết trong quá trình thực hiện dự án	Kinh nghiệm cho thấy Ma trận đã giúp Ban điều phối chú ý các yếu tố gây trở ngại cho tiến trình thực hiện cũng như các điều kiện (giả định) để thành công cần có.	
8	Xây dựng một kế hoạch hoạt động chi tiết và giải ngân có tính hiệu quả cao hơn	Giúp Lãnh đạo và cả nhóm luôn theo dõi và quản lý tốt hoạt động của dự án.	
9	Học tập kinh nghiệm từ tất cả các khuyến cáo từ các kết quả kiểm toán.	Từ đó hoàn thiện quy trình quản lý dự án, nghiệp vụ kế toán và giúp tiến độ dự án nhanh hơn	

10	Việc đặt các chỉ số ban đầu cần xem xét nhiều hơn đến nội dung thực hiện của cả dự án	Điều này sẽ giúp giá trị chỉ số ban đầu hợp lý (không quá cao, hay quá thấp)	
11	Công tác M&E nên được tổ chức và chia sẻ theo tập thể thực hiện	Điều này giúp công tác M&E được thực hiện nhanh, có sự tham gia cả nhóm, giúp các thành viên hiểu biết bản chất của các chỉ số và ý nghĩa của nó, từ đó giúp công tác thực hiện dự án có chất lượng cao hơn.	
12	Đa dạng các hình thức truyền thông sẽ hỗ trợ cho chiến lược truyền thông thành công	Việc truyền thông trực tiếp cho người dân hay thanh thiếu niên cần nhiều hình thức năng động và hấp dẫn sẽ giúp thông điệp truyền thông đi nhanh và sâu hơn vào cộng đồng với nhiều đối tượng khác nhau.	

4.2 Các khuyến nghị

Khuyến nghị	Nguồn	Đối tượng mục tiêu
Áp dụng các kiến thức trong quá trình đào tạo tập huấn trong quá trình tham mưu, ban hành các quyết định	Hồ sơ và kết quả đào tạo, TI&CA	Sở tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan trong tỉnh
Ứng dụng kết quả các nghiên cứu của dự án cho các hoạt động khác	Các sản phẩm, kết quả nghiên cứu của dự án	Sở, ban, ngành và các đơn vị liên quan trong tỉnh, nhà đầu tư, địa phương
Khai thác, vận hành, duy tu, bảo dưỡng các công trình xây dựng	Các công trình đầu tư đã thi công hoàn thành	Các đơn vị được tiếp nhận bàn giao
Áp dụng trang thiết bị và công nghệ địa tin học phục vụ quản lý dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS	Sản phẩm của dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan
Sử dụng, vận hành các thiết bị quan trắc khí tượng thủy văn và hệ thống cảnh báo sớm	Sản phẩm của dự án	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị liên quan
Cập nhật kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu của tỉnh	Nghiên cứu tính dễ bị tổn thương của dự án	Sở Tài nguyên và Môi trường và các đơn vị liên quan
Triển khai, thu hút đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng, các dự án mang lại lợi ích kinh tế cho địa phương sau khi có phê duyệt các quy hoạch	Các đồ án quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa; quy hoạch thoát nước thị trấn Chợ Lầu	UBND huyện Bắc Bình, UBND huyện Tuy Phong, các nhà đầu tư

PHẦN 2: Tổng hợp quá trình theo dõi (hoạt động)

1 Thực hiện các quyết định của Ban chỉ đạo

Các quyết định chính của Ban Chỉ đạo	Thực hiện
Thông qua báo cáo kế hoạch hoạt động và giải ngân của dự án	Đã hoàn thành
Điều chỉnh một số dòng ngân sách so với TFF	PCU triển khai theo kế hoạch tài chính đã phê duyệt
Phê duyệt danh mục các hoạt động cần triển khai của dự án (các hoạt động nghiên cứu, danh mục công trình đầu tư, đào tạo, tập huấn)	PCU đã triển khai hoàn thành tất cả các hoạt động
PCU cần tập trung để đẩy nhanh các công việc trong kế hoạch, đảm bảo tiến độ giải ngân giai đoạn cuối dự án	PCU đã triển khai và đảm bảo tiến độ giải ngân của dự án
Thống nhất chủ trương sử dụng vốn kết dư từ nguồn hoàn thuế và dự phòng của dự án để đầu tư bổ sung cho các hoạt động khác	Đã triển khai và hoàn thành
Đánh giá cuối kỳ	Thực hiện
Tiến độ các hoạt động	Tất cả các hoạt động đã hoàn thành
Tiến độ giải ngân	Đang triển khai tiến độ giải ngân theo đúng kỳ hạn
Về sự phù hợp:	PCU khẳng định rằng các nghiên cứu đầu vào như Thủy văn thủy lực và biến đổi khí hậu lưu vực sông Lũy (các nghiên cứu chính) đều được liên kết với các hoạt động khác của dự án như Điều chỉnh quy hoạch và thiết kế các công trình.
Về tính bền vững:	Các sản phẩm của dự án đã và đang bàn giao cho đơn vị sử dụng theo danh mục được UBND tỉnh phê duyệt
Khuyến nghị của kiểm toán	Thực hiện
Các khuyến nghị về công tác đấu thầu, tài chính	PCU đã có tiếp thu và giải trình qua từng đợt kiểm toán theo đó kiện toàn bộ máy

2 Chi phí

CODE	Results - Activities	MODE	BUDGET vD03	End 2018			2019 EXECUTION / PLANNING					beyond SA end	Balance 'after' Planning	Rate 'after' Planning
				Total Expended	% of Budget	Total Balance	Q1	Q2	beyond SA end	beyond SA end	2019 TOTAL			
A	Support institutional capacity in Binh Thuan in IWRM and UD in relation to CC		4.139,1	3.127,7	75,6%	1.011,4	197,3	608,6	-	-	805,9	-	205,5	95%
R1	The capacities in CC, IWRM and urban planning within the province are improved		919,1	645,8	70,3%	273,3	21,3	39,1	-	-	60,3	-	212,9	77%
A_01_01	Capacity building of PCU in project management, procurement, M&E and reporting	REGIE	260,0	246,8	94,9%	13,2	-	26,2			26,2	-	13,0	105%
A_01_02	Technical institutional and capacity Needs Assessment	NEX	34,0	31,4	92,5%	2,6	-	-			-	-	2,6	92%
A_01_03	Capacity building of related agencies and stakeholders in IWRM, urbanization and CC	NEX	211,1	177,4	84,0%	33,7	-	-			-	-	33,7	84%
A_01_04	Strengthen cooperation/coordination mechanisms among agencies with regards to CC, IWRM & urban planning	NEX	4,4	0,3	6,9%	4,1	-	-			-	-	4,1	7%

A_03_01	Physical infrastructure to adapt 1 urban center & its close hinterland to CC	NEX	2.285,0	1.785,8	78,2%	499,2	78,9	545,0				624,0	-	124,8	105%
A_03_02	Support to appropriate O & M measures	NEX	-	-	0,0%	-	-	-				-	-	-	n/b
R4	Active involvement of community and private sector		104,0	37,7	36,3%	66,3	33,2	1,5	-	-		34,7	-	31,6	70%
A_04_01	Awareness raising campaigns about CC impact, change of behavior, water & energy efficiency	NEX	87,0	23,9	27,4%	63,1	31,6	-0,6				31,0	-	32,1	63%
A_04_02	Set-up of platforms of dialogue for Rao Cai river basin with all major stakeholders	NEX	-	-	0,0%	-	-	-				-	-	-	n/b
A_04_03	Communications and Community development	NEX	17,0	13,8	81,4%	3,2	1,6	2,1				3,6	-	0,5	103%
B	Fund installment to project activities														
B_01	Fund installment to project activities												-		
B_01_01	Fund installment to project activities	CASH	-	-		-	-	-				-	-		
X	Contingencies		203,9	-	0,0%	203,9	-	-	-	-		-	-	203,9	
X_01	Contingencies		203,9	-	0,0%	203,9	-	-	-	-		-	-	203,9	
X_01_01	Contingencies Project management	NEX	162,9	-	0,0%	162,9	-	-				-	-	162,9	0%

X_01_02	Contingencies Own Management	REGIE	41,0	-	0,0%	41,0
Z	General means		857,0	400,0	46,7%	457,0
Z_01	Human resources		524,7	232,3	44,3%	292,4
Z_01_01	Technical assistance specific to the province	REGIE	275,0	82,6	30,1%	192,4
Z_01_02	PCU staff	REGIE	-	-	0,0%	-
Z_01_03	PCU staff	NEX	249,7	149,6	59,9%	100,1
Z_02	Investments		52,6	50,2	95,4%	2,4
Z_02_01	Vehicle	NEX	28,7	28,7	99,9%	0,0
Z_02_02	Office equipment	NEX	11,2	9,6	85,7%	1,6
Z_02_03	IT equipment	NEX	10,0	9,3	93,3%	0,7
Z_02_04	Office rehabilitation & LAN installation	NEX	2,7	2,6	95,2%	0,1
Z_03	Operating costs		142,2	81,2	57,1%	61,0
Z_03_01	Office rent	NEX	-	-	0,0%	-
Z_03_02	Utilities	NEX	16,6	15,1	91,2%	1,5
Z_03_03	Vehicle operating costs (1)	NEX	14,0	11,1	79,3%	2,9
Z_03_04	Communications incl. internet	NEX	3,8	2,1	56,4%	1,7
Z_03_05	Operational costs	NEX	64,8	47,0	72,6%	17,8

-	-	-	-	-	-	41,0	0%
28,2	14,8	-	43,0	-	-	414,0	52%
15,4	13,5	-	28,9	-	-	263,6	50%
1,3	2,1		3,5			188,9	31%
-	-		-			-	n/b
14,0	11,4		25,4			74,7	70%
-	-	-	-	-	-	2,4	95%
-	-		-			0,0	100%
-	-		-			1,6	86%
-	-		-			0,7	93%
-	-		-			0,1	95%
7,3	1,0	-	8,3	-	-	52,6	63%
-	-		-			-	n/b
1,0	0,1		1,1			0,4	98%
1,0	-		1,0			1,9	87%
0,1	-		0,1			1,5	59%
4,0	0,9		4,9			12,9	80%

3 Tỷ lệ giải ngân của dự án

Nguồn vốn	Ngân sách	Lũy kế chi phí thực tế	Lũy kế tỉ lệ giải ngân	Ghi chú
Đóng góp phía Bỉ (nex)	4,486,500	3,975,403	89%	
Đóng góp phía Bỉ (Regie)	713,500	372,600	52%	
Đóng góp phía Việt Nam	800,000	596,514	75%	

	<i>Biên – phiên dịch viên</i>			Thời gian kết thúc: 30/9/2016
6	Bùi Thanh Hải <i>Chuyên gia quản lý cơ sở dữ liệu GIS và CNTT</i>	Nữ		Thời gian bắt đầu: 13/06/2016 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
7	Nguyễn Thùy Yên <i>Chuyên gia quản lý về môi trường và biến đổi khí hậu</i>	Nữ		Thời gian bắt đầu: 13/06/2016 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
8	Nguyễn Thị Tuyết Minh <i>Biên – Phiên dịch viên</i>	Nữ		Thời gian bắt đầu: 01/11/2016 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
9	Phùng Tấn Trung <i>Tư vấn truyền thông và phát triển cộng đồng</i>	Nam		Thời gian bắt đầu: 19/04/2017 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
II	Nhân sự hưởng lương từ nguồn vốn đối ứng			
1	Kiều Diên <i>Giám đốc</i>	Nam		Thời gian bắt đầu: 01/09/2013 Thời gian kết thúc: 01/03/2016
2	Phan Nguyễn Hoàng Tân <i>Phó giám đốc</i>	Nam		Thời gian bắt đầu: 01/09/2013 Thời gian kết thúc: 20/10/2016
3	Phan Nguyễn Hoàng Tân <i>Giám đốc</i>	Nam		Thời gian bắt đầu: 21/10/2016 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
4	Nguyễn Quốc Hùng <i>Phó giám đốc</i>	Nam		Thời gian bắt đầu: 16/8/2017 Thời gian kết thúc: 30/6/2019

5	Phạm Thị Thanh Thanh <i>Quản lý tài chính</i>	Nữ	Thời gian bắt đầu: 01/11/2013 Thời gian kết thúc: 31/12/2016
6	Tiêu Thị Sương <i>Trợ lý Hành chính – Kế toán</i>	Nữ	Thời gian bắt đầu: 01/11/2013 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
7	Trần Duy Tuệ <i>Nhân viên văn phòng</i>	Nam	Thời gian bắt đầu: 01/10/2013 Thời gian kết thúc: 02/4/2014
4	Nguyễn Thanh Trúc <i>Tài xế - Bảo vệ</i>	Nam	Thời gian bắt đầu: 01/07/2015 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
8	Nguyễn Vũ Phước <i>Nhân viên văn phòng</i>	Nam	Thời gian bắt đầu: 01/6/2016 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
9	Trần Thị Thanh Thúy <i>Quản lý tài chính</i>	Nữ	Thời gian bắt đầu: 01/01/2017 Thời gian kết thúc: 30/6/2019
10	Trần Ngọc Huy Hoàng <i>Điều phối viên</i>	Nam	Thời gian bắt đầu: 01/03/2017 Thời gian kết thúc: 08/5/2019
	Nhân sự quốc tế (ngoài BTC)		
	International experts (BTC):		

5 Đấu thầu/ Mua sắm công

STT	Tên gói thầu	Giá trị hợp đồng (Đồng)
	Kết quả 1	
1	Tư vấn kỹ thuật về đánh giá năng lực thể chế và kỹ thuật (TICA) và kế hoạch phát triển năng lực (CD) về quản lý tài nguyên nước và biến đổi khí hậu (BĐKH) tại tỉnh Bình Thuận	686.177.580
2	Tư vấn kỹ thuật về Đào tạo tập huấn nâng cao năng lực thể chế và kỹ thuật về quản lý tài nguyên nước và biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận	2.194.000.000
3	Tư vấn kỹ thuật về Đánh giá tác động biến đổi khí hậu đến tài nguyên nước dưới đất vùng bờ biển duyên hải miền Trung tỉnh Bình Thuận và đề xuất các giải pháp bảo vệ	1.265.000.000
4	Tư vấn kỹ thuật về khảo sát kinh tế xã hội khu vực, lưu vực sông Lũy trong bối cảnh biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận	651.392.390
5	Mua sắm lắp đặt trang thiết bị phục vụ quản lý dữ liệu và xây dựng cơ sở dữ liệu GIS	741.240.000
	Kết Quả 2	

1	Tư vấn kỹ thuật về Đánh giá tính dễ bị tổn thương trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu cho lưu vực sông Lũy và cập nhật Kế hoạch hành động ứng phó với biến đổi khí hậu trên địa bàn tỉnh Bình Thuận	3.251.933.000
2	Tư vấn kỹ thuật về các mô hình canh tác nông nghiệp thông minh thích ứng với biến đổi khí hậu ở tỉnh Bình Thuận	2.182.000.000
3	Tư vấn lập điều chỉnh quy hoạch chung đô thị Phan Rí Cửa đến năm 2035	2.984.750.278
4	Tư vấn kỹ thuật về phân tích dữ liệu khí hậu hiện tại và tương lai nhằm phục vụ công tác quản lý nguồn nước tại lưu vực sông Lũy, huyện Bắc Bình tỉnh Bình Thuận	3.299.921.572
5	Tư vấn kỹ thuật xây dựng mô hình thủy lực, thủy văn lưu vực sông Lũy trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu tại tỉnh Bình Thuận	6.200.000.000
6	Tư vấn Kỹ thuật Xói lở bờ biển, bồi lắng cửa sông, xâm nhập mặn khu vực cửa Sông Lũy huyện Bắc Bình, trong mối liên hệ với biến đổi khí hậu.	2.597.133.569
	Kết Quả 3	
1	Công trình hệ thống thoát nước thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	7.535.411.823
2	Công trình hệ thống thoát nước khu trung tâm phía Bắc thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình	18.334.283.000
3	Công trình Kè chống xói lở bờ sông Lũy	9.946.341.616

4	Công trình hệ thống cấp nước sinh hoạt thị trấn Lương Sơn, huyện Bắc Bình	6.395.848.977
5	Công trình hệ thống thoát lũ sông Lũy, trục tiêu sông Đồng, huyện Bắc Bình	7.321.904.936
6	Công trình mở rộng hệ thống cấp nước sinh hoạt xã Bình An và xã Sông Bình, huyện Bắc Bình	18.500.255.107

6 Thỏa thuận công – chỉ định thầu

Mục này bao gồm các gói thầu chỉ định thầu là các gói thầu tư vấn, mua sắm, sửa chữa quy mô nhỏ (Trong bảng theo dõi các hợp đồng của PCU)

7 Thiết bị

STT	Danh Mục Tài sản	Số lượng	Đơn vị tính	Dự toán Ngân sách (EUR)	Nguyên giá (VND)	Nguyên giá EUR (1 eur = 25.549 vnd) Tỷ giá tháng 5/2019 của Bộ Tài chính)
I	Xe Toyota - Fortune SR5	1	Chiếc	31.732	798.000.252	31.234
II	Thiết bị văn phòng – Công, dụng cụ					
A	Thiết bị văn phòng			21.200	475.881.532	18.626
1	Máy vi tính xách tay (HP Probook 450 F6Q44PA)	2	Cái		27.800.000	

2	Máy vi tính xách tay (Apple Macbook Air)	1	Cái	25.890.000	
3	Máy vi tính để bàn (Venr GI-3330)	5	Bộ	55.409.547	
4	Máy vi tính để bàn (Venr I34170)	4	Bộ	45.000.000	
5	Máy in Canon (LBP 3300)	2	Cái	8.527.272	
6	Máy in Canon (LBP 6200D)	2	Cái	7.800.000	
7	Máy đa năng HP 1212MF (fax,scan, in)	1	Cái	5.354.545	
8	Máy chiếu (Sony VPL - DX126)	1	Cái	18.500.000	
9	Màn chiếu di động (Toplite/Apollo)	1	Cái	1.472.727	
10	Máy photocopy (Toshiba E355)	1	Cái	30.909.091	
11	Máy chụp ảnh (Canon Powershot SX170 IS)	1	Cái	7.181.818	
12	Bàn phó giám đốc	1	Cái	11.227.441	
13	Ghế làm việc Phó giám đốc	1	Cái	3.590.909	
14	Bàn làm việc nhân viên	11	Bộ	65.990.910	
15	Ghế làm việc nhân viên	11	Cái	6.209.091	
16	Bàn phòng họp	6	Cái	27.545.455	
17	Ghế phòng họp (Ghế móc lỗ)	24	Cái	15.490.909	
18	Bàn (bàn họp 6 chỗ)	1	Cái	6.318.182	
19	Ghế (bàn họp 6 chỗ- ghế móc lỗ)	6	Cái	3.872.727	
20	Bàn - Ghế bảo vệ	1	Bộ	3.509.091	
21	Salon chân vương	1	Bộ	12.681.818	
22	Tủ hồ sơ 2 cánh	7	Cái	45.190.909	
23	Tủ hồ sơ 3 cánh	1	Cái	8.090.909	

24	Kệ hồ sơ	3	Cái		32.318.181	
B	Công, dụng cụ			107.350	25.909.303	1.014
1	Điện thoại bàn (Nippon 1405)	4	Cái		869.092	
2	Tủ lạnh (Sanyo SR-U185PN)	1	Cái		4.461.118	
3	Máy làm nóng lạnh nước uống (ALASKA R81)	1	Cái		2.771.818	
4	Lioa 2000 Đại 130	1	Cái		1.600.000	
5	Kết sắt (Solid SLS-61C)	1	Cái		4.363.636	
6	Quạt đứng ASIA (VINA D16011L)	5	Cái		2.545.455	
7	Ti vi (Led 32P2400VN Toshiba)	1	Cái		4.627.273	
8	Điện thoại bàn Panasonic TSC11	1	Cái		426.364	
9	Điện thoại bàn Panasonic TSC11	1	Cái		426.364	
10	Máy hủy giấy (Bosser 220X)	1	Cái		3.818.182	

1.5	Cơ chế điều phối và trao đổi đáp ứng được nhu cầu quản lý tri thức của chính quyền tỉnh	0	0	0	74,7%	87%	80%	80%	%
1.6	Mạng lưới giám sát khí tượng & thủy văn mở rộng cung cấp được những thông tin mới và phù hợp	20%	0	0	72,6%	63%	80%	80%	%

Đầu ra 2:

Các chỉ số		Giá trị ban đầu	Giá trị năm 2015	Giá trị năm 2016	Giá trị năm 2017	Giá trị năm 2018	Giá trị thực hiện đến nay	Chỉ tiêu năm cuối cùng	Đơn vị
2.1	Tiến độ thực hiện các nghiên cứu	0	0	3	4	1	8	8	Số lượng
2.2	Kế hoạch hành động thích ứng Biến đổi khí hậu được thông qua	1	0	0	0	1	2	2	Số lượng
2.3	Các quy hoạch tổng thể (cấp tỉnh, thành phố/thị trấn) được điều chỉnh liên quan tới BĐKH	0	0	0	0	2	2	4	Số lượng
2.4	Các đề xuất ưu tiên về BĐKH được xây dựng	0	0	0	0	1	1	1	Số lượng

Đầu ra 3:

Các chỉ số		Giá trị ban đầu	Giá trị năm 2015	Giá trị năm 2016	Giá trị năm 2017	Giá trị năm 2018	Giá trị thực hiện đến nay	Chỉ tiêu năm cuối cùng	Đơn vị
3.1	Số các hạng mục đầu tư (thí điểm) được thực hiện phù hợp với các tiêu chí thích ứng BĐKH	0	0	1	1	0	6	5	Số lượng
3.2	Quy trình vận hành & bảo dưỡng được thực hiện phù hợp với từng hạng mục đầu tư ưu tiên	0	0	1	1	0	6	5	Số lượng
3.3	Số các tài liệu ghi nhận bài học kinh nghiệm về sáng kiến trong các hạng mục đầu tư ưu tiên và các khía cạnh khác của dự án	0	0	1	1	0	6	5	Số lượng
3.4	Số Km hệ thống cấp nước sạch được xây dựng	0	0	0	0	30	47	16	Số Km
3.5	Số Km hệ thống thoát nước được xây dựng	0	2,5	3,6	0,9	0	7	7	Số Km
3.6	Số Km Kè được xây dựng	0	0	0	0	5,8	5,8	5,8	Số Km

4.7	Cơ sở kiểm chứng về những thay đổi hành vi do nhận thức đã được nâng cao	2	0	0	1	3	6	5	Công ty/nhóm cộng đồng
-----	--	---	---	---	---	---	---	---	------------------------

10 Các công cụ và sản phẩm

- *Các ấn phẩm (Khoa học)*
 - + Tài liệu các kết quả nghiên cứu: TOR, báo cáo kết quả cuối cùng.
 - + Tài liệu các chương trình hội thảo, tập huấn
- *Các báo cáo vốn*
- *Tài liệu trực quan nghe-nhìn*
 - + Hồ sơ tài chính kỹ thuật
 - + Sổ tay vận hành dự án POM
 - + Tài liệu về các sản phẩm của dự án.
 - + Tài liệu về quy hoạch
 - + Hồ sơ hoàn công các công trình xây dựng
 - + Hồ sơ Truyền thông
 - + Thiết bị, phần mềm sản phẩm của dự án: MIKE 11, GIS, MODFLOW
 - + Các báo cáo Ban Chỉ đạo, Quyết định ban Chỉ đạo
 - + Các báo cáo định kỳ khác: Monop, báo cáo Quý, tháng
 - + Các kế hoạch hoạt động và giải ngân của dự án
- *Các nguồn khác*
 - + Hệ thống văn bản, quy phạm pháp luật
 - + Luật, Thông tư, Nghị Định và các chính sách Nhà nước liên quan để triển khai dự án.
- *Hệ thống/phương pháp tiếp cận M&E*
 - + Tài liệu tập huấn M&E
 - + Khung M&E hoàn chỉnh đã được phê duyệt
 - + Báo cáo đầu kỳ, giữa kỳ và cuối kỳ
- *Phương pháp*
 - + Chiến lược 10 bước theo TFF
 - + Phương pháp Quy hoạch cấu trúc chiến lược trong quy hoạch đô thị Phan Rí Cửa